FireAnt

CTCP Đầu tư QP Xanh (HNX: HKT)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	10,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,400
SL cổ phiếu LH	6,135,029
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,235
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	64
P/E	45.4
EPS	231

	YTD	1T	3T	6T
HKT	18.0%	10.5%	26.5%	34.6%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản

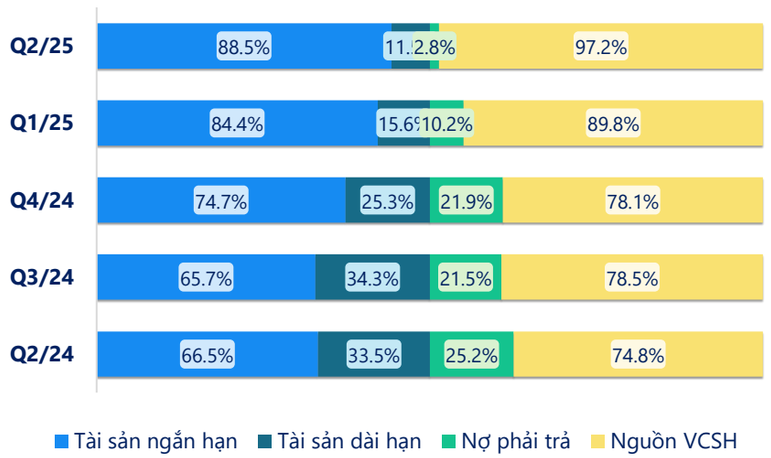

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

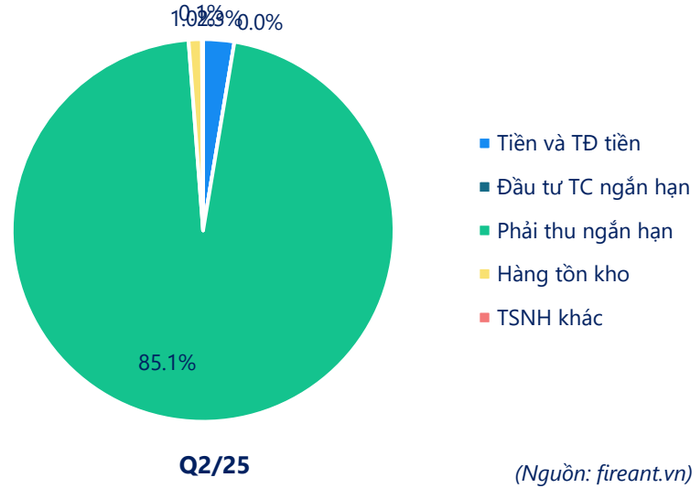

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

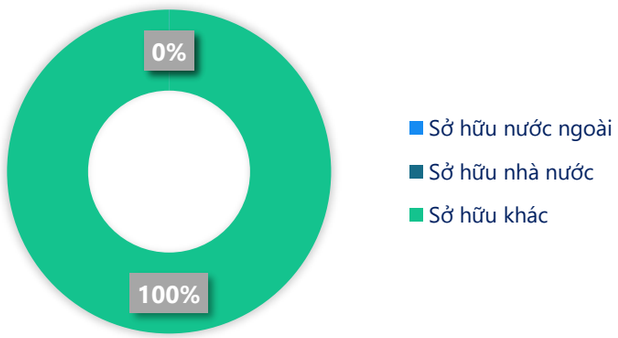

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

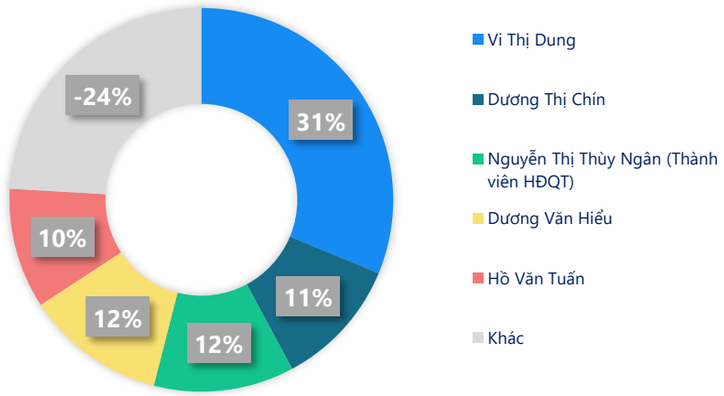

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

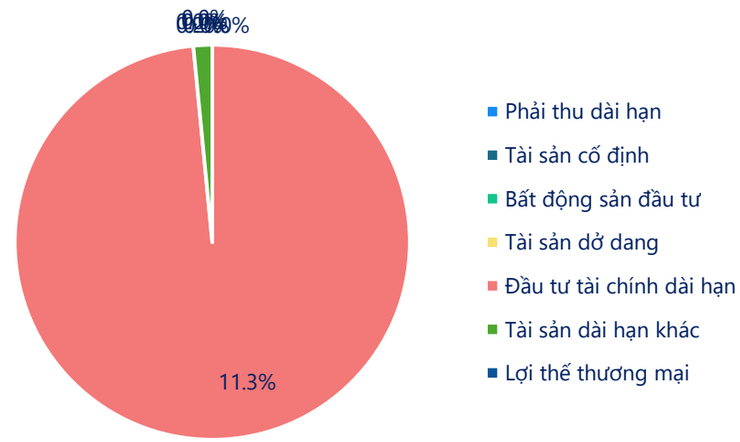

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư QP Xanh (HNX: HKT)

Tiền và tương đương tiền

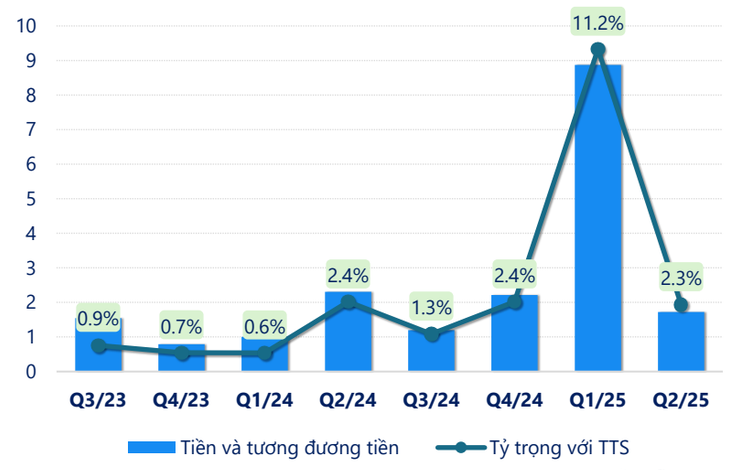

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

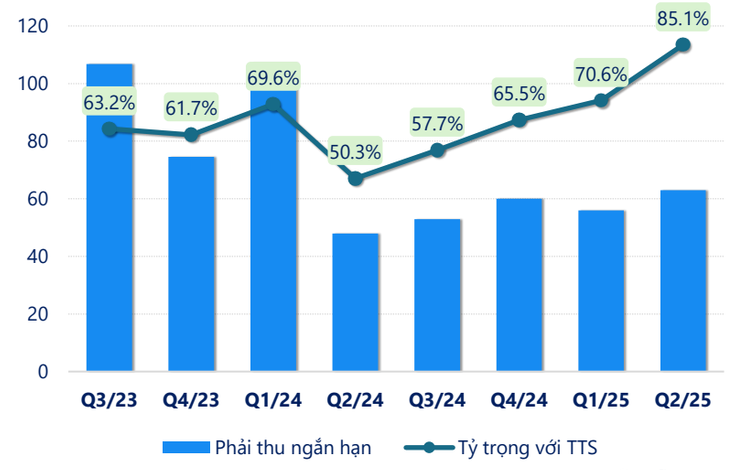

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

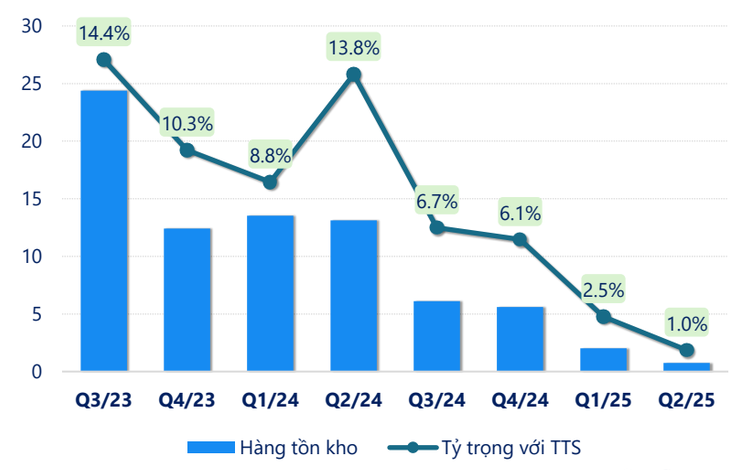

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

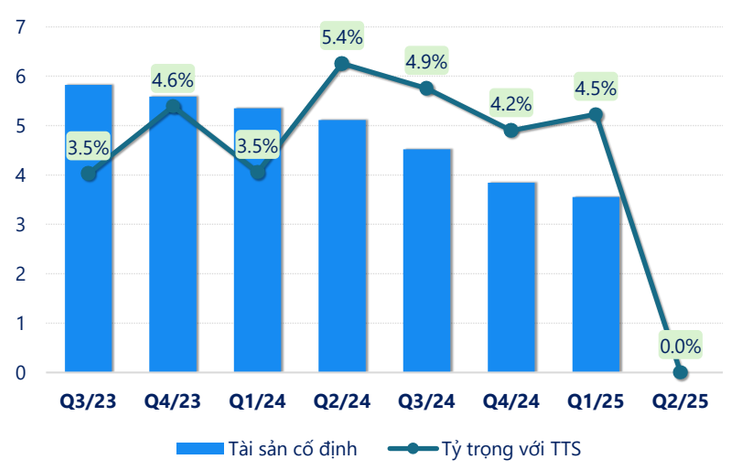

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

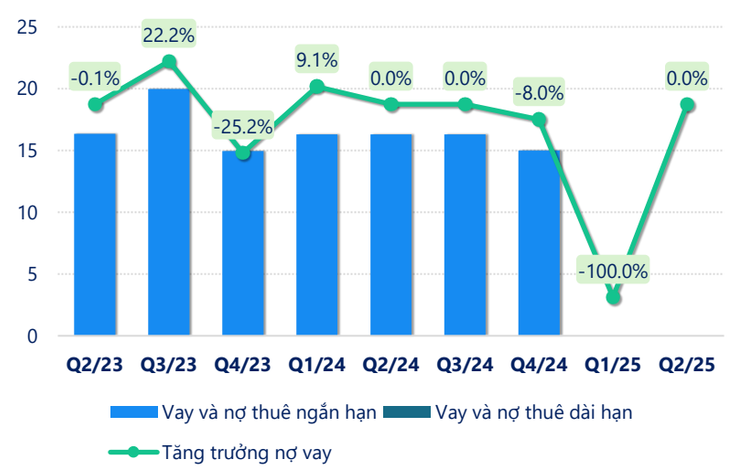

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

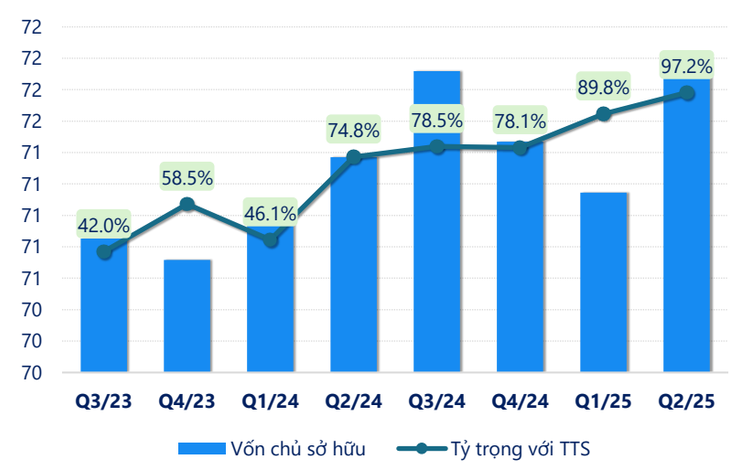

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Đầu tư QP Xanh (HNX: HKT)

Kết quả kinh doanh

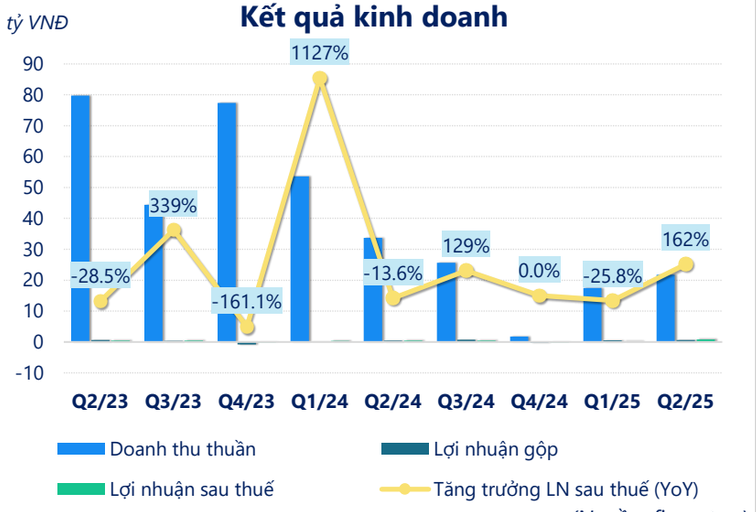

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

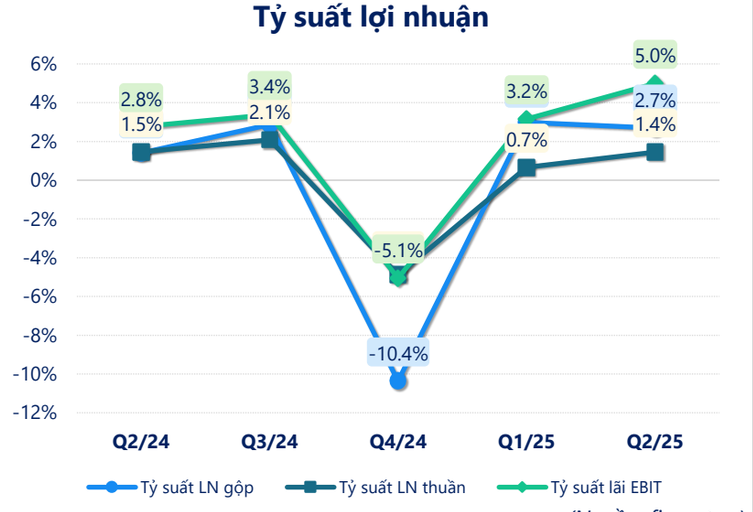

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

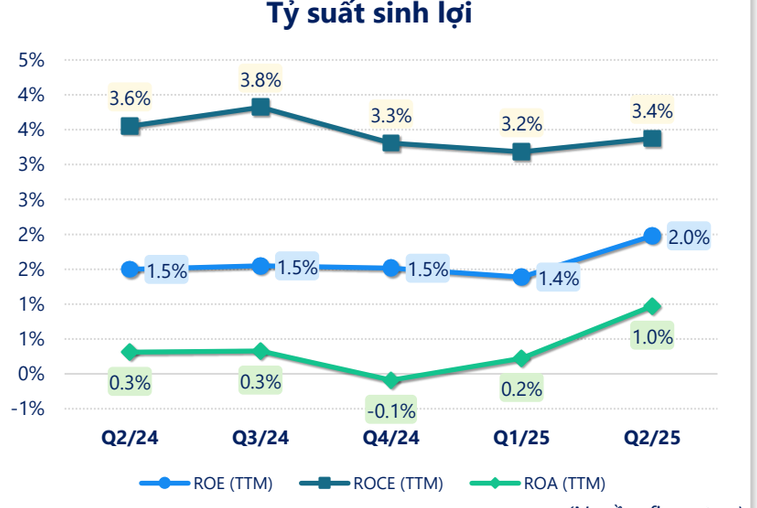

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

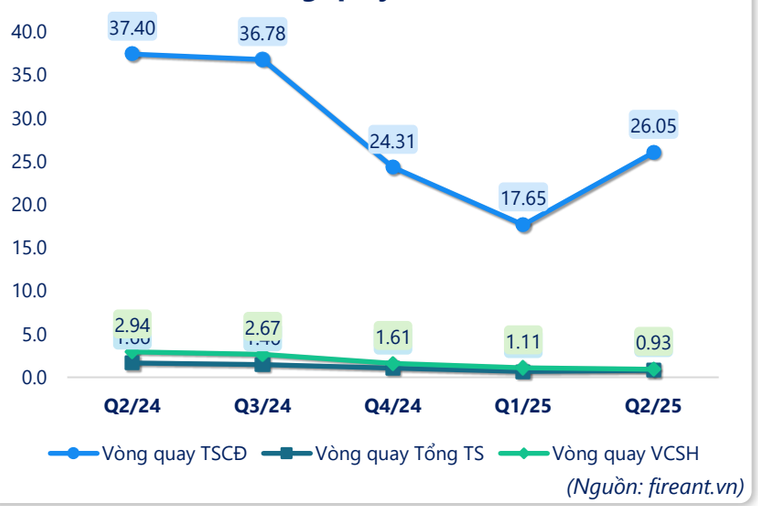

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

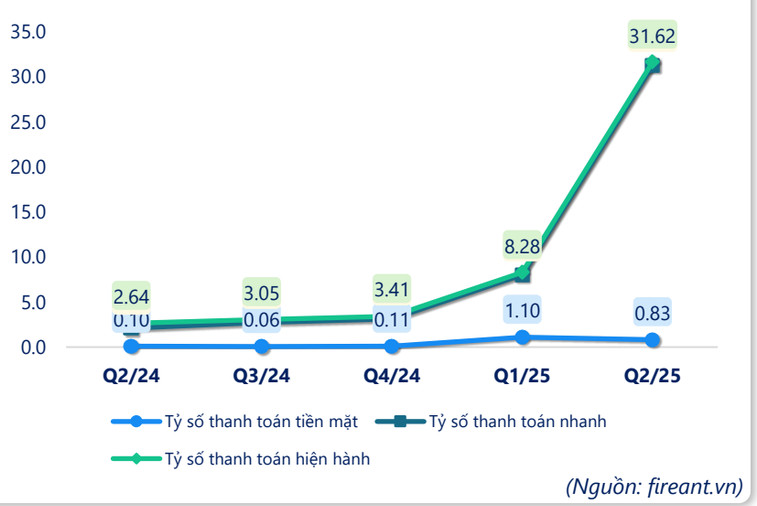

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

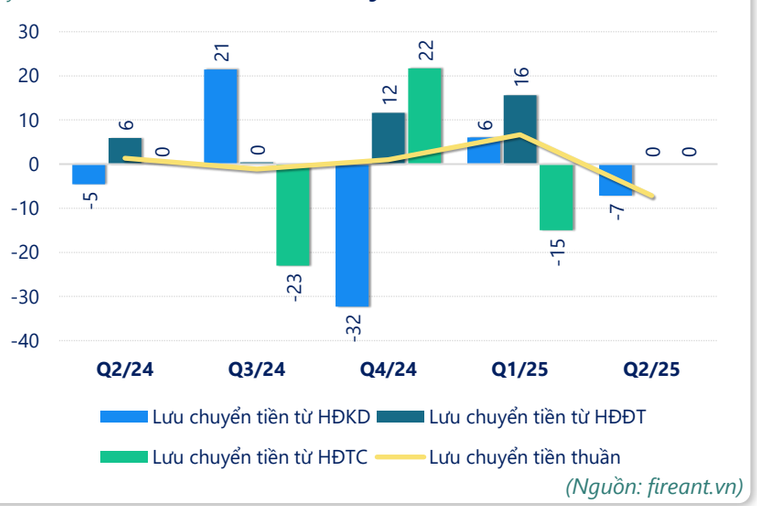

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư QP Xanh (HNX: HKT)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**74.0**	**90.0**	**-17.8%**
Tài sản ngắn hạn	65.5	66.4	-1.4%
Tiền và tương đương tiền	1.72	2.21	-22.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	63.0	58.6	7.5%
Hàng tồn kho	0.74	5.60	-86.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.06	0.01	798%
Tài sản dài hạn	**8.52**	**23.6**	**-63.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	3.84	-100%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	8.39	19.3	-56.5%
Tài sản dài hạn khác	**0.13**	**0.45**	**-70.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2.07	19.1	-89.2%
Nợ ngắn hạn	**2.07**	**19.1**	**-89.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	15.0	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.69	1.75	-60.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**72.0**	**70.9**	**1.5%**
Vốn chủ sở hữu	**72.0**	**70.9**	**1.5%**
Vốn điều lệ	61.4	61.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	33.7	25.7	1.76	17.5	21.8
Giá vốn hàng bán	33.2	24.9	1.94	16.9	21.2
Lợi nhuận gộp	0.47	0.74	-0.18	0.52	0.58
Doanh thu HĐTC	0.62	0.43	0.88	0.00	0.00
Chi phí TC	0.44	0.33	0.74	0.23	0
Chi phí lãi vay	0.44	0.33	0.04	0.23	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0.06
Chi phí QLDN	0.16	0.30	0.04	0.18	0.21
LN thuần từ HĐKD	0.49	0.53	-0.09	0.12	0.32
Lợi nhuận khác	0	0.00	-0.04	0.21	0.77
LN trước thuế	0.49	0.54	-0.13	0.33	1.09
Lợi nhuận sau thuế	0.39	0.43	-0.10	0.26	0.82
LNST của CĐ cty mẹ	0.39	0.43	-0.10	0.26	0.82

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.58	21.5	-32.3	6.04	-7.15
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	5.88	0.43	11.6	15.6	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.00	-23.0	21.7	-15.0	0
Tiền đầu kỳ	1.00	2.31	1.19	2.21	8.87
Lưu chuyển tiền thuần	**1.31**	**-1.11**	**1.02**	**6.65**	**-7.15**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.31	1.19	2.21	8.87	1.72

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic